

Bản án số: 44/2024/HS-ST
Ngày 18-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quân Vương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trương Hữu Bình;
- Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Thọ, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tham gia phiên tòa:** Ông Lê Đình Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 33/2024/TLST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Vũ Thị Tuyết N, sinh năm 1982 tại tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: **Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương**; nghề nghiệp: phụ giúp gia đình; trình độ học vấn: 8/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; con ông **Vũ Văn S** (đã chết) và bà **Bùi Thị T**; có chồng tên **Nguyễn Ngọc Trường Xuân V** và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà **Trần Thị N1**, sinh năm 1956; nơi cư trú: **Ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương**, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông **Nguyễn Ngọc Trường Xuân V**, sinh năm 1979; nơi cư trú: **Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương**, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Thị Tuyết N là con dâu bà Trần Thị N1. Hằng ngày, N phụ giúp bà N1 bán tạp hóa tại nhà bà N1 nên bà N1 giao cho N một bộ chìa khóa nhà để khi bà N1 vắng nhà thì N tự mở để bán tạp hóa.

Trong quá trình phụ giúp bà N1, N biết bà N1 thường xuyên để tiền trong két sắt để trong phòng ngủ của bà N1. Do Vũ Thị Tuyết N thiếu nợ nhiều người nên nảy sinh ý định lấy trộm tiền trong két sắt của bà N1 để trả nợ. Thực hiện ý định đó, khoảng 09 giờ 00 phút, ngày 10/12/2023 N biết bà Trần Thị N1 đi đám cưới tại phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương nên N điều khiển xe mô tô hiệu Honda SH Mode biển số 61H1-310.94 từ nhà tại ấp C, xã T đến nhà bà N1 tại ấp B, xã T, huyện D lấy trộm tiền. Khoảng 09 giờ 13 phút cùng ngày, N đã ngắt nguồn điện của C và đi vào phòng ngủ nơi đặt két sắt. Do két sắt được khóa bằng hệ thống mã khóa điện tử nên N bấm thử mật khẩu số “1179” vì đây là tháng và năm sinh của chồng N là Nguyễn Ngọc Trường Xuân V (do lúc mua két sắt ông V là người đặt mật khẩu) thì mở được két sắt, bên trong có 48.000.000 đồng, ngoài ra trong két sắt còn có một ngăn nhỏ nhưng đã khóa nên N tìm chìa khóa và phát hiện chìa khóa trong ngăn kéo của tủ quần áo ở kế bên két sắt. N lấy chìa khóa mở ngăn nhỏ bên trong nhìn thấy 200.000.000 đồng. Sau khi lấy hết 248.000.000 trong két sắt thì N khóa lại két sắt, lấy tiền bỏ vào cốp xe mô tô Honda SH Mode biển số 61H1-310.94, mở lại nguồn điện hệ thống Camera, khóa cửa và điều khiển xe mô tô đi về nhà mình tại ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Sau đó, N mang tiền đi trả nợ cho các chủ nợ gồm: Bà Nguyễn Thị H 30.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị H1 20.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị H2 17.000.000 đồng và bà Nguyễn Thị X 5.000.000 đồng. Ngoài ra N đưa cho chị ruột là bà Vũ Thị Tuyết M mượn 50.000.000 đồng, mang theo trong người 5.000.000 đồng và cất giấu 100.000.000 đồng ở tủ quần áo và 21.000.000 đồng ở tủ trang điểm trong nhà tại ấp C, xã T.

Đến khoảng 10 giờ 50 phút cùng ngày, N điều khiển xe mô tô Honda SH Mode biển số 61H1 310.94 về lại nhà bà N1 để bán tạp hóa như bình thường. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, bà N1 về nhà mở két sắt để bỏ tiền vào thì phát hiện mất tiền nên bà N1 đến Công an xã T để trình báo sự việc trên.

Khoảng 21 giờ 00 phút cùng ngày, N đến Công an xã T đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Quá trình làm việc, Công an xã T, huyện D tiến hành tạm giữ của Vũ Thị Tuyết N 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH MODE, biển số 61H1-310.94,

màu đỏ đen, số khung 511FY214781, số máy JF51E0346516 và 126.000.000 đồng do bị cáo giao nộp; thu giữ của Nguyễn Thị H1 20.000.000 đồng; thu giữ của Nguyễn Thị X 5.000.000 đồng; thu giữ của Nguyễn Thị H2 17.000.000 đồng; thu giữ của Nguyễn Thị H 30.000.000 đồng và thu giữ của Vũ Thị Tuyết M 50.000.000 đồng và thu giữ của Trần Thị N1 01 thẻ nhớ 32GB màu đen, bên trên có ghi chữ IMOU, 01 thẻ nhớ 32GB màu đen, bên trên có ghi chữ NITRO.

Đối với tiền mà bị cáo N mượn của Nguyễn Thị H1 20.000.000 đồng, Nguyễn Thị X 5.000.000 đồng, Nguyễn Thị H2 17.000.000 đồng, Nguyễn Thị H 30.000.000 đồng. Khoảng tháng 01/2024, N đã trả lại số tiền nợ trên.

Đối với 248.000.000 đồng do Vũ Thị Tuyết N đã lén lút trộm của bà Trần Thị N1, ngày 16/12/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D, tỉnh Bình Dương tiến hành trả lại cho bà Trần Thị N1 số tiền trên theo Quyết định xử lý vật chứng số 01/QĐ-ĐTTH ngày 14/12/2023.

Đối với 01 thẻ nhớ 32GB màu đen, bên trên có ghi chữ IMOU và 01 thẻ nhớ 32GB màu đen, bên trên có ghi chữ NITRO. Xét thấy, đây là vật chứng của vụ án nên lưu vào hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại Trần Thị N1 không yêu cầu Vũ Thị Tuyết N bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Cáo trạng số 29/CT-VKS-DT ngày 23 tháng 5 năm 2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Vũ Thị Tuyết N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo từ 07 năm đến 08 năm tù.

Xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH MODE, biển số 61H1-310.94, màu đỏ đen, số khung 511FY214781, số máy JF51E0346516. Quá trình điều tra xác định, xe mô tô trên do Nguyễn Ngọc Trường Xuân V đứng tên chủ sở hữu, ông V không biết Vũ Thị Tuyết N sử dụng xe mô tô trên đi trộm cắp tài sản. Do đó, ngày 11/4/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D tiến hành trả lại xe mô tô trên cho ông V theo Quyết định xử lý vật chứng số 264/QĐ-ĐTTH ngày 11/4/2024. Tuy nhiên xe mô tô nói trên là tài hình thành trong thời kỳ hôn nhân của bị cáo N và ông V, bị cáo N sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung Ngân sách nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị xe. Kết luận định giá số 21/KL-HĐĐG ngày 03/7/2024 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện D xác định trị giá xe mô tô nêu trên trị giá 27.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ông V xác định đã nhận lại xe mô tô nói trên và đồng ý nộp

lại ½ giá trị xe nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông V nộp lại để tịch thu sung Ngân sách nhà nước.

Bị hại bà N1 không có ý kiến tranh luận, bà N1 xác định tiền là do ông V gửi nhờ bà giữ giữ để sau này ông V xây nhà để vợ chồng ở vì đất bà N1 đã tặng cho ông V. Việc ông V gửi tiền cho bà giữ bị cáo N không biết. Tiền bà đã nhận lại, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác, đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông V không tranh luận, ông V đồng ý nộp lại ½ trị giá xe để tịch thu sung Ngân sách nhà nước.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận; lời nói sau cùng của bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình tố tụng, bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa, lời khai của người tham gia tố tụng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, có đủ cơ sở xác định: Khoảng 09 giờ 13 phút ngày 10/12/2023, Vũ Thị Tuyết N đã thực hiện hành vi lén lút lấy trộm 248.000.000 đồng trong két sắt tại nhà bà Trần Thị N1 ở ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương. Hành vi của bị cáo Vũ Thị Tuyết N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số 29/CT-VKS-DT ngày 23 tháng 5 năm 2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện D và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện là rất nghiêm trọng, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự công cộng. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Do đó, cần xử phạt bị cáo hình phạt tù tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo đủ để cải tạo bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo được xem xét khi quyết định hình phạt: Quá trình tố tụng, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã nộp lại một phần tài sản bị xâm hại và tài sản bị xâm hại đã được thu hồi trả lại cho bị hại; bị cáo đầu thú và tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự.

[7] Trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho bị hại.

[8] Xử lý vật chứng: Đối xe mô tô bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội, cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Nguyễn Ngọc Trường Xuân V, xét xe mô tô nói trên là tài sản chung của bị cáo và ông V, tại phiên tòa, ông V đồng ý nộp lại ½ giá trị xe là phù hợp nên cần buộc ông V phải có nghĩa vụ nộp lại 13.500.000 đồng tích thu sung Ngân sách nhà nước.

[9] Xử lý vật chứng như Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận. Đối với mức hình phạt, xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, nhất thời phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt mức hình phạt thấp hơn đề nghị, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật nhà nước.

[10] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Vũ Thị Tuyết N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Thị Tuyết N 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Tiếp tục duy trì lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đến khi bị cáo đi chấp hành án.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Buộc ông Nguyễn Ngọc Trường Xuân V phải có nghĩa vụ nộp lại 13.500.000 đồng tích thu sung Ngân sách nhà nước.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo **Vũ Thị Tuyết N** phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo (01);
- VKSND huyện Dầu Tiếng (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- Công an huyện Dầu Tiếng (01);
- Người tham gia tố tụng (02);
- Chi cục THADS huyện Dầu Tiếng (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- UBND nơi cư trú của bị cáo (01);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quân Vương

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**